

Số: 31/2026/QĐST- DS

Gia Lai, ngày 14 tháng 9 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – GIA LAI

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Việt Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Công Hùng.

2. Bà Trần Thị Thu Hiền.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 55/2025/TLST – DS ngày 14 tháng 10 năm 2025.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà T , sinh năm 1952; Số CCCD: 036152015346, cấp ngày 02/12/2022.

Đại diện theo uỷ quyền: Anh Th , sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn 4, xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

-Bị đơn: Bà L , sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn 4, xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai. Số CCCD: 035179004108, cấp ngày 31/3/2021.

Đại diện theo uỷ quyền của bà L : Chị N , sinh năm 1997; Địa chỉ: Thôn 3, xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

- Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan: Anh H , sinh năm 1978; Số CCCD: 035078003721, ngày cấp 31/3/2021; Địa chỉ: Thôn 4, xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-Về nghĩa vụ (số tiền còn nợ): Năm 2011 anh H và chị L có vay tiền của bà T , sau những lần trả tiền gốc, tiền lãi. Tính đến ngày 14/09/2026, anh H và chị L còn nợ bà T số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng). Ngoài số tiền trên, thì anh H và chị L không còn nợ bà T bất kì khoản tiền nào khác liên quan đến các giao dịch dân sự trước đó giữa anh H , chị L với bà T .

- Về thời hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ, phương thức trả nợ: Số tiền nợ trên được trả thành 2 lần.

Lần 1: Ngày 30/12/2026, anh H và chị L phải trả cho bà T số tiền 75.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 30/12/2027, anh H và chị L phải trả cho bà T số tiền 75.000.000đồng.

Trường hợp anh H và chị L vi phạm một trong các thời hạn trả nợ nêu trên thì bà T có quyền yêu cầu thi hành án đối với toàn bộ số tiền mà anh H và chị L còn nợ bà T.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền này, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Nguyên đơn bà T tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 7.500.000 đồng. Nhưng bà T là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí. Vì vậy, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà T.

Trả lại cho bà T 9.125.000đồng (Chín triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, theo biên lai số 0003437 ngày 14/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36, 71 và 72 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 8- Gia Lai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Trọng Việt Anh